

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VĂN HOÁ - XÃ HỘI CÁC CƯ DÂN VÙNG ĐỒI GÒ XỨ THANH VÀ SỰ PHÁT TRIỂN

LÊ SỸ GIÁO

**T**hanh Hoá xưa nay là vùng đất thống nhất hầu như không có sự tách nhập dù lịch sử Việt Nam hàng nghìn năm đã trải qua nhiều triều đại và chính thể khác nhau. Một vùng đất hội đủ các yếu tố tự nhiên của rừng núi, đồng bằng, biển cả; lại là vùng đất cổ cả về mặt địa lý - địa chất, cả về mặt lịch sử - văn hoá đã tạo cho Thanh Hoá có một vị thế đặc biệt về địa - chính trị (geopolitic) mà theo kiểu nói của người xưa, đây là xứ "địa linh" đã sinh ra không ít các bậc hiền tài, "nhân kiệt".

Dẫu với tiềm năng tự nhiên và con người như thế nhưng thời hiện đại Thanh Hoá lại luôn luôn bị coi là tỉnh nghèo đói, mà nghèo đói kinh niên lại thường là cư dân của các vùng gò đồi. Nếu không có sự nghiên cứu cẩn thận, không có sự đầu tư phát triển đúng hướng, đúng thế mạnh của các vùng thì sẽ không có phương thuốc nào chữa được căn bệnh kinh niên nói trên. Phần viết này của chúng tôi không hề có tham vọng bàn về việc giải quyết vấn đề quá to lớn ấy. Chúng tôi chỉ muốn nêu lên những nhận xét về các vấn đề kinh tế - xã hội và văn hoá truyền thống của vùng gò đồi như là những cứ liệu về khoa học nhân văn để các nhà quản lý có thêm cơ sở cho việc xây dựng các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội thực sự khoa học cho vùng này.

### 1. Bức tranh phân bố cư dân

Các vùng gò đồi nói ở đây tương đương với các vùng trung du hay các vùng bán sơn địa của các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc, Ngọc Lạc, Thọ Xuân, Thường Xuân, Như Xuân. Các vùng này có vị trí rất quan trọng không chỉ về mặt an ninh, quốc phòng mà cả trong sự phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Trước khi nói về bức tranh phân bố cư dân của vùng gò đồi xứ Thanh thì có một đặc điểm nổi bật có tính "qui luật" rất đáng được lưu ý mà cho đến nay các nhà khoa học xã hội và nhân văn, các nhà sử học còn chưa có được sự kiến giải thoả đáng là hiện tượng xuất hiện các dòng họ lớn, nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam ở vùng đất xứ Thanh lại chủ yếu là vùng gò đồi. Lê Lợi với vùng Thọ Xuân mà sự liên thông với Ngọc Lạc, Thường Xuân là vô cùng thuận tiện; Họ Nguyễn với vùng Hà Trung giáp Thạch Thành; Họ Trịnh với vùng Vĩnh Lộc gần Cẩm Thủy, Thạch Thành. Ngay cả toà thành vĩ đại vào loại nhất Việt Nam được xây dựng trong thời kỳ phong kiến, thành nhà Hồ ở Vĩnh Lộc cũng là trên địa bàn gò đồi. Chỉ cần bấy nhiêu câu chuyện cũng đủ thấy vùng gò đồi có vị thế như thế nào và nó xứng đáng được quan tâm nghiên cứu ra sao.

Cư dân ở vùng này không phải thuần Kinh như các vùng đồng bằng mà nó mang mang màu truyền thống của sự phân bố cư dân trên toàn lãnh thổ Việt Nam: Đa tộc người, đa sắc thái và cư trú xen kẽ.

1. Người Kinh (người Việt). Người Kinh có mặt ở khu vực này, ngoài một bộ phận cư trú ở đây từ lâu đời, còn chủ yếu là bao gồm các đối tượng sau: Những quan lại do các triều đại phong kiến trước đây chỉ định đi làm quan trấn biên hay đi dẹp "loạn sơn cước". Số khác, số này chiếm

đại bộ phận, là những người dân bình thường do nguyên nhân đời sống mà phải tìm lên "mạn ngược" kiếm kế sinh nhai rồi định cư lại. Do sự tác động và chi phối của môi trường tộc người mà các đối tượng này, đến đời con cháu họ có những gia đình, dòng họ dần dần bị Mường hoá hay Thái hoá. Số vẫn giữ được ngôn ngữ và văn hoá Việt là những khối cư dân sống thành làng xã biệt lập với người Mường, người Thái. Thực tế cho thấy có những dòng họ lang đạo của người Mường như họ Phạm Thúc ở vùng Ngọc Lạc, theo nhân dân kể lại vốn gốc gác là họ Phạm Đức ở vùng Sơn Tây. Ông tổ họ này vào làm quan ở đây rồi định cư và trở thành dân bản địa, thành dòng họ lang đạo của người Mường.

Từ sau cách mạng và nhất là từ sau khi hoà bình lập lại năm 1954 đến nay, do yêu cầu điều chỉnh sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế - văn hoá miền núi, hàng vạn đồng bào và cán bộ người Kinh ở các huyện đồng bằng đã có mặt và định cư tại các huyện miền núi, chủ yếu là địa bàn của vùng gò đồi. Hiện nay người Kinh chiếm số lượng đông đảo nhất của khu vực này. Họ tập trung ở các thị trấn, phố huyện, các điểm cư dân xung quanh các nhà máy, xí nghiệp, các nông trường, lâm trường. Trong số họ cũng có những xóm, những làng sống xen kẽ với đồng bào thiểu số ở các bản làng xa xôi.

2. Người Mường. Người Mường tập trung với mật độ lớn ở các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lạc, Bá Thước. Người Mường ở Thanh Hoá có hơn 20 vạn và cũng thường cư trú xen kẽ với người Kinh, người Thái. Ngoài ra, người Mường còn phân bố ở các huyện Lang Chánh, Quan Hoá, Thường Xuân, Như Xuân. Đối với các huyện đồng bằng, người Mường có mặt ở Vinh Lộc, Yên Định, Triệu Sơn, Nông Cống, Hà Trung, Tĩnh Gia, Thọ Xuân. Riêng huyện Thọ Xuân có đến hơn 4000 người Mường, còn huyện Triệu Sơn có khoảng 2000 người.

Trong nhiều vấn đề của lịch sử và văn hoá Mường ở Thanh Hoá có vấn đề nguồn gốc người Mường của khu vực này. Có ý kiến cho rằng họ là những cư dân bản địa, có quan điểm lại cho rằng họ là những bộ phận cư dân thiên di từ Hoà Bình vào. Đối chiếu với các tên gọi của người Mường ở Thanh Hoá là Mon, Mon Ha, Mọi Bi thì chúng ta thấy đại bộ phận người Mường có tên gọi Mọi Bi là từ Mường Bi của Hoà Bình di cư vào. Riêng các bộ phận người Mường tự gọi là Mon và Mon ha thì chưa có được ý kiến thống nhất. Một số nhà nghiên cứu của Thanh Hoá thiên về quan điểm bản địa của các nhóm cư dân này. Dẫu sao thì với người Mường ở Thanh Hoá về nguồn hợp thành của nó có các bộ phận sau đây: di cư từ Hoà Bình vào, có một bộ phận người Kinh bị Mường hoá, một phần là dân tại chỗ. Như vậy, về mặt lịch sử cư trú của người Mường là tộc người có mặt ở vùng gò đồi xứ Thanh từ rất lâu đời.

3. Người Thổ. Hiện nay ở Thanh Hoá và Nghệ An có khoảng 40.000 người Thổ, trong số đó đại bộ phận người Thổ phân bố ở các huyện Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ của Nghệ An, với trên 30.000 người. Ở Thanh Hoá người Thổ chỉ có mặt ở các huyện Như Xuân, Như Thanh, khoảng trên 5000 người. Về mặt cơ cấu cư dân của người Thổ do hai nguồn chủ yếu hợp lại: nguồn gốc Mường và nguồn gốc Kinh. Có nhiều gia đình người Thổ vẫn còn nhớ rõ và khẳng định rằng tổ tiên của họ là người Mường từ Hoà Bình hay Thanh Hoá (cho người Thổ Nghệ An) vào. Lại có những gia đình người Thổ hiện vẫn còn giữ được các gia phả viết bằng chữ Hán, như nhiều trường hợp của người Thổ ở huyện Nghĩa Đàn cho thấy gốc gác của họ là ở huyện Tĩnh Gia, Nông Cống (Thanh Hoá), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An) mới đến vùng này được dăm bảy đời. Ở Thanh Hoá trước đây, khi chưa có bảng danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam thì người Thổ vẫn nhận tộc danh là Mường.

Như vậy, trường hợp người Thổ là trường hợp hình thành tộc người khá độc đáo, có thể coi đó là sự kết hợp giữa khối cư dân cơ tầng, lớn hơn là người Mường với một bộ phận người Kinh khu Bốn mà ngôn ngữ và văn hoá của họ trước đây rất gần nhau. Do đó, có thể coi người

thổ như là cái gạch nối giữa người Mường và người Kinh, là một cộng đồng cư dân phức hợp "dậm Mường, nhạt Kinh".

4. Người Dao. Người Dao ở Thanh Hoá có hai nhóm: Dao Áo dài và Dao Quần chẹt. Bộ phận Dao Áo dài có gần 1000 người sống ở vùng cao Quan Hoá cùng với người Hmông và người Thái. Nhóm Dao Quần chẹt thì cư trú chủ yếu là ở các khu vực gò đồi thuộc các huyện Ngọc Lạc, Cẩm Thủy với khoảng hơn 2000 nhân khẩu. Bộ phận này trước kia ở Quảng Ninh, mới chuyển cư vào Thanh Hoá khoảng một thế kỷ theo lộ trình Quảng Ninh - Tuyên Quang - Hoà Bình - Thanh Hoá.

5. Người Thái. Người Thái ở Thanh Hoá có khoảng 20 vạn, chiếm 1/6 tổng số dân Thái của Việt Nam. Nếu tính cả Nghệ An thì dân số Thái của Thanh - Nghệ chiếm 40% dân số Thái của cả nước. Ở cả hai tỉnh này người Thái thường sinh sống ở các vùng cao hơn so với người Mường. Tuy nhiên, ở các vùng gò đồi người Thái cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể mà phần lớn trong số họ thường phân bố ở các vùng giáp gianh giữa trung du và vùng cao. Các huyện tập trung đông người Thái là Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Xuân. Các huyện đồng bằng có người Thái là Triệu Sơn, Thọ Xuân, nông Cống và thậm chí là có một bộ phận tiến gần đến vùng biển Tĩnh Gia. ở Thanh Hoá nổi bật lên là hai nhóm Thái có tên gọi là Tày và Tày dọ. Nhóm tự gọi là Tày phân bố chủ yếu ở các huyện Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Bá Thước, Lang Chánh; nhóm Tày dọ tập trung ở các huyện Thường Xuân, Như Xuân... Nhóm này có số lượng áp đảo là ở miền tây Nghệ An, ở các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tương Dương, Con Cuông. Trên địa bàn Nghệ An ở vùng đồi gò mà chúng ta đang quan tâm gồm các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp, Co Công cũng có nhiều bản làng của người Thái.

Tóm lại, nhìn vào bức tranh phân bố các tộc người ở miền núi Thanh Hoá chung ta thấy đây là khu vực đa tộc người, đa văn hoá điển hình. Các cư dân sinh sống ở đây đều thuộc về những tộc người lớn như Kinh, Mường, Thái, là những cư dân có nguồn gốc lâu đời ở Việt Nam và cả những tộc người được coi là mới đến như người Dao. Tất cả họ đều là những người đã có công xây dựng và bảo vệ vùng đất quê hương chung này.

## 2. Tổ chức xã hội tộc người

Tổ chức xã hội tộc người trước đây của người Kinh, người Thổ về cơ bản là giống với tổ chức làng xã của người Kinh ở các vùng đồng bằng. Từ sau Cách mạng tháng Tám hệ thống làng xã vẫn tồn tại như vậy nhưng bản chất xã hội và chính trị của nó thì đã thay đổi. Sự tác động của phong trào cách mạng đến tổ chức xã hội của người Thái, người Mường đã tạo nên sự thay đổi hoàn toàn.

Như chúng ta đã biết, hệ thống tổng - xã theo mô hình quản lý xã hội của người Kinh dưới thời phong kiến (thời Nguyễn) về nguyên tắc là được áp dụng trên địa bàn cả nước nhưng trên thực tế ở các vùng của người Thái, người Mường hệ thống này chỉ tồn tại như là một thứ vỏ bọc, còn hệ thống cốt lõi, hệ thống thực của nó là thiết chế bản - mường mới là hệ thống vận hành chính thức. Nhưng hệ thống bản mường về mặt so sánh lại bị "vênh" so với hệ thống xã - huyện, do đó mới có sự thiếu ăn nhập giữa một bên là hệ thống hành chính mang tính nhà nước với một bên là hệ thống tổ chức mang đặc trưng tộc người. những hiểu biết về thiết chế xã hội theo kiểu bản - mường truyền thống sẽ rất có ích cho việc quản lý xã hội trong điều kiện hiện nay, đặc biệt là ở hai tộc Thái và Mường.

## 1. Bản

1.1. Bản là một đơn vị quân cư bền vững, có ranh giới đất đai rõ rệt. Quy mô của các bản lớn nhỏ không đều, nhưng muốn hình thành một bản tối thiểu phải có hai nóc nhà. "Vùng nước đã thành ao. Hai nhà đã thành bản" (Tục ngữ Thái). Dù cho bản nhỏ ở mức độ hai nóc cũng phải hội đủ các yếu tố ruộng và nương để con người có thể tiến hành sản xuất đảm bảo cho cuộc sống của mình. Các bản cỡ trung bình trước đây thường có 10 - 15 nóc nhà. Bản thường có các vùng đất tự nhiên sau đây:

- + Đất thung để có thể khai phá thành ruộng cấy một vụ hoặc hai vụ lúa.
- + Đất rừng, đất núi là đối tượng để làm nương, hái lượm, săn bắn và khai thác lâm thổ sản nổi chung. Rừng còn là cái kho vô tận cung cấp nguồn thức ăn thực vật, động vật, các loại nấm, măng...
- + Các đoạn sông suối, khe rạch, các đầm nước, vùng nước. Đây là nguồn cung cấp đạm thuỷ sản rất quan trọng cho bữa ăn hàng ngày, gồm các loại cá tôm, các loài nhuyễn thể.

1.2. Bản là đơn vị cư dân có tổ chức. Theo truyền thống thì ruộng đất trước đây đều thuộc về bản mường, các cá nhân không có quyền sở hữu mà chỉ có quyền chiếm hữu. Một thời bản là đơn vị đứng ra phân phối và điều chỉnh ruộng đất cho các gia đình, nghĩa là bản đã thực thi vai trò quản lý ruộng đất. Sau này, khi tư hữu xuất hiện, ruộng đất trở thành tài sản có thể mua bán thì vai trò quản lý ruộng đất của các đơn vị bản mất dần.

Để điều hành các hoạt động nói chung cấp bản trước đây thường có hai chức dịch: trưởng bản và phó bản. Các chức dịch đứng đầu bản cũng là người đứng đầu một dòng họ lớn nên ngày xưa chức trưởng bản cũng thường được bổ nhiệm theo kiểu "cha truyền con nối". Những người này thường được hưởng một suất ruộng công.

1.3. Bản là đơn vị xã hội đảm nhiệm chức năng văn hoá, là chỗ dựa về kinh tế - xã hội thực sự cho mỗi gia đình hạt nhân. Các gia đình trong bản khi có việc mừng như sinh con, cưới xin, làm nhà mới, thờ cúng tổ tiên đều được sự quan tâm giúp đỡ của cộng đồng bản. Trong bản gia đình nào có việc buồn đều được cộng đồng quan tâm động viên về mặt tinh thần và giúp đỡ về mặt vật chất như là chỗ dựa tin cậy nhất.

## 2. Mường

Mường là một tổ chức xã hội tập hợp nhiều bản trên một lãnh thổ nhất định và có thành phần dân cư thuần nhất hoặc không thuần nhất. Các mường của người Mường, người Thái trước đây có thể phân chia thành hai loại: Mường lớn, tương đương châu - huyện; mường nhỏ, tương đương tổng - xã. Trước Cách mạng ở miền núi Thanh Hoá có khoảng 40 mường của người Mường và cũng bấy nhiêu mường cho người Thái.

2.1. Mường là một cơ cấu có chức năng chính quyền. Mường có vùng đất riêng với ranh giới rõ ràng và vùng đất có tên là "đất mường". Mường có các đơn vị cơ sở là các bản như đã nói. Ngoài ra, hệ thống tổ chức mường còn có các đơn vị dưới mường, trên bản với các tên gọi như quen, lộng, poọng, nhưng vai trò của nó trong xã hội truyền thống đã trở nên mờ nhạt. Hệ thống tự quản bản mường tồn tại lâu dài trong lịch sử. Mãi đến đời nhà Nguyễn triều đình phong kiến trung ương mới can thiệp sâu về mặt hành chính vào các vùng thiểu số miền núi, đặt các chức lưu quan cho từng châu, bắt đầu sự quản lý của triều đình thông qua những quan lại là người Kinh ở hầu khắp các vùng. Ở các cấp dưới mường hình thành nên các đơn vị như *sắc* hay *ngũ*; các chức vụ hành chính trong bộ máy mường đổi thành tên gọi *kỳ mục*; hình thành nên đơn vị hành chính cấp xã do lý trưởng đứng đầu. Người giúp việc là phó lý.

Khi thực dân Pháp thống trị nước ta thì về cơ bản người Pháp vẫn duy trì thiết chế hành chính mang tính tộc người của người Thái, người Mường là các châu Mường. Các chức dịch các cấp ở châu Mường dần dần trở thành công chức Nhà nước.

Dưới chế độ dân chủ cộng hoà, cụ thể từ năm 1954 trở lại đây hệ thống quản lý bản mường đã bị giải thể, thay bằng hệ thống quản lý xã huyện thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Từ đó, dù không tồn tại một cách chính thức nhưng các đặc trưng, các lễ thói quản lý, các giá trị văn hoá của thiết chế bản - mường vẫn tồn tại trong hệ thống mới xã - huyện.

2.2. Mường là một cơ cấu tổ chức kinh tế - xã hội. Các đơn vị hành chính, các cấp trong phạm vi mường đều có chức năng và trách nhiệm quản lý ruộng và đất. Nếu là ruộng công thì quản lý việc phân phối sao cho công bằng các suất ruộng "chức", ruộng "gánh vác". Nếu là ruộng tư thì lo việc thu tô thuế sao cho kịp thời, hợp lý. Với hầu hết các mường của người Mường, người Thái ở Thanh Hoá thì bộ máy quản lý mường về mặt tộc người là thuộc về các dòng họ quý tộc của hai tộc người trên nắm giữ. Cũng chính là đại bộ phận các cư dân Mường và Thái chiếm cứ các vùng thung lũng hẹp, các bãi đất bằng phẳng hay các bìa rừng, các chân đồi có độ dốc thấp để khai phá thành ruộng, tạo lập thành các bản làng định cư từ khá sớm.

Mường còn là tổ chức xã hội đa tộc người. Do đặc trưng cư trú xen kẽ từ lâu đời, do vị trí địa lý nằm ở các trục di dân nên từ thời cổ đại thành phần cư dân của Việt Nam đã không thuần nhất. Tình hình đó tạo ra bộ mặt phân bố cư dân rải rác lược khiến cho quyền chiếm hữu tuyệt đối một vùng đất nào đó để hình thành nên một lãnh thổ tộc người riêng là rất không rõ ràng, không có cơ hội. Do đó, với thiết chế bản - mường, trong các mối quan hệ xã hội đã tồn tại từ rất lâu đời quan hệ đa số - thiểu số ngay chính trong các đơn vị mường của người Mường, người Thái. Ở đây, ít nhất cũng là trong thời kỳ Pháp thuộc đã có sự chung sống như thế trong các mường của người Mường (Mường - Kinh - Dao) và các mường của người Thái (Thái - Mường).

Như vậy, với đặc điểm kết cấu của cư dân không thuần nhất hệ thống bản - mường trong chức năng quản lý kinh tế, xã hội, từ lâu đã phải và đã quen quản lý các đơn vị đa tộc người. Các đặc trưng văn hoá, theo đó cũng bị chi phối bởi mối quan hệ qua lại của các cư dân vốn khác nhau về nguồn gốc tộc thuộc. Cần phải lưu ý rằng, về mặt truyền thống, mường là một đơn vị lớn hơn xã, nhỏ hơn huyện, bản là đơn vị cơ sở nhỏ hơn làng. Như vậy, thiết chế bản - mường là một thiết chế "trên làng - xã", "dưới xã - huyện". Vì vậy, việc quản lý xã hội theo quy mô xã - huyện như hiện nay có những khó khăn cũng là điều có thể hiểu được.

### 3. Các đặc điểm văn hoá truyền thống

Khái niệm văn hoá được sử dụng theo nhiều nghĩa khác nhau, do vậy mà có đến vài trăm định nghĩa về văn hoá. Nhưng phạm trù văn hoá gắn liền với các tộc người hay còn gọi là văn hoá tộc người được hiểu là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên. Đây là cách hiểu văn hoá theo nghĩa dân tộc học.

Các đặc điểm văn hoá truyền thống mà chúng ta nói đến ở đây thực chất là các giá trị văn hoá có quan hệ đến thiết chế bản-mường, các giá trị văn hoá cổ truyền của người Thái, người Mường

Trước khi đi vào một số nội dung cụ thể của văn hoá bản - mường cần phải lưu ý những sắc thái riêng biệt của văn hoá Kinh ở vùng này. Trên cái nhìn tổng thể, các đặc trưng về ăn, mặc, ở của người Kinh vùng gò đồi không có gì khác mấy so với phong tục tập quán của người Kinh ở đồng bằng. Nhưng do sống trong không gian của một hệ sinh thái khác hơn, có đồi núi, có đồng ruộng, có bãi sông mà phương thức canh tác cũng đa dạng hơn. Người nông dân ở đây

rất có ý thức khai thác tối đa các nguồn lợi do tự nhiên mang lại, đặc biệt là họ quen thuộc với môi trường đồi núi, có phương thức ứng xử với môi trường kiểu này mà người Kinh ở vùng đồng bằng không có được.

Về quy mô làng xóm của người Kinh không lớn như ở vùng đồng bằng và đặc điểm này bị chi phối bởi sự hạn hẹp của đất đai có thể canh tác được. Do đó, tiểu gia đình-gia đình hạt nhân, gia đình tiểu nông là loại hình phù hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể của khu vực này. Các làng xã dù có hương ước hay không có hương ước đều có những quy định chặt chẽ về yêu cầu đảm bảo trật tự trị an, giữ gìn thuần phong mỹ tục, duy trì sự tồn tại vững chắc của cộng đồng làng. Trong nhiều đặc điểm của làng Việt người ta thấy nổi lên đặc điểm thờ cúng thành hoàng, "Thần làng nào làng nấy thờ", khiến cho làng Việt vốn đã đóng kín càng bị đóng kín hơn, và các làng Việt có thiên hướng đề cao tinh thần "lệ làng" cao hơn "phép vua", một phần cũng có thể là do đặc điểm này quy định.

Bây giờ chúng ta trở lại với các giá trị văn hoá bản - Mường, văn hoá bản - Mường như đã nói thực chất là các giá trị văn hoá truyền thống, bởi lẽ các giá trị văn hoá này ra đời, phát triển và khẳng định vị trí của nó là gắn liền với các thiết chế truyền thống bản - Mường và nó được quy tụ vào mấy dạng thức chính sau đây: Văn hoá sản xuất - bao gồm các hoạt động kinh tế truyền thống; Văn hoá đảm bảo đời sống- các nhu cầu về ăn, ở, mặc, đi lại; Văn hoá chuẩn mực xã hội-hệ thống phong tục tập quán và quan hệ ứng xử trong gia đình, họ hàng làng nước; Văn hoá nhận thức- kho tàng tri thức dân gian (folklore) về tự nhiên, xã hội, con người.

Phạm vi của văn hoá rộng lớn như vậy cho nên, trong phần trình bày dưới đây chúng tôi chỉ xin điểm qua những giá trị chung nhất của các thành tố văn hoá được sáng tạo nên gắn liền với thiết chế xã hội bản - Mường.

1. Xét dưới góc độ của hoạt động kinh tế thì cơ cấu xã hội truyền thống bản Mường được xây dựng và phát triển trên cơ sở của nền nông nghiệp trồng lúa. Vùng cư trú cổ xưa của các cư dân này là nằm trong hệ sinh thái của rừng mưa nhiệt đới Đông Nam Á (rain forest ecosystem). trong hệ sinh thái này quần động vật và hệ thực vật đều rất đa dạng về giống loài; do đó, khi tiến tới các ngành kinh tế sản xuất mà cụ thể là tiến tới nông nghiệp trồng trọt thì các nền nông nghiệp sớm đã là các nền nông nghiệp đa canh. Đặc điểm này có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng để chúng ta xác định hướng phát triển kinh tế cho các vùng gò đồi, các vùng miền núi phải là một nền nông nghiệp đa dạng chứ không chỉ phải tập trung vào một mục tiêu là trồng lúa và độc canh cây lúa như một thời đã làm.

Một đặc điểm nổi bật và độc đáo trong hoạt động kinh tế, cũng tức là trong văn hoá sản xuất của các cư dân vùng này là sự hình thành một khu vực cây trồng đa dạng nhất. Ở đây có đủ các loại cây công nghiệp, cây lương thực, cây ăn quả, cây lấy gỗ, cây dược liệu, cây làm nguyên liệu cho một số nhà máy. Tất nhiên cây lương thực là cây trồng rất quan trọng nhưng trồng cây lương thực lại không phải là thế mạnh của vùng gò đồi.

Về cây công nghiệp, trước hết phải kể đến cây mía. Trên thực tế vùng gò đồi Thanh Hoá đã trở thành một trong những vùng trồng mía lớn của đất nước để phục vụ cho hai nhà máy đường Lam Sơn và Thạch Thành. cây mía trước đây chỉ được trồng để ăn chơi hay ép mật, hoặc làm đường theo phương pháp thủ công thì nay được trồng đại trà, theo hợp đồng với một quy mô lớn được quy hoạch trên cơ sở của các luận chứng khoa học. Những người nông dân Kinh, Mường xưa nay vốn chỉ quen với nền nông nghiệp tự cấp tự túc thì nay đã quen dần với hoạt động của nông nghiệp sản xuất hàng hoá mà cây mía là cây trồng cho họ nguồn thu nhập lớn hơn rất nhiều so với nghề trồng lúa. Cả một vùng rộng lớn xung quanh Lam Sơn, bao gồm các vùng bán sơn địa của Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thường Xuân đã trở thành khu vực trồng và cung

cấp mía cho nhà máy đường Lam Sơn. Vùng gò đồi của Thạch Thành, Cẩm Thủy, Yên Định, Thiệu Hoá, Vĩnh Lộc trồng mía cho nhà máy đường Thạch Thành.

Loại cây trồng quan trọng thứ hai ở vùng này là cây luồng. Luồng cùng với tre nứa là những vật liệu truyền thống cho việc xây cất các công trình nhà ở. Luồng cũng được sử dụng vào các công trình thuỷ lợi, cầu cống. Luồng còn được dùng để đóng bè mảng cho dân chài vùng biển ra khơi. Măng luồng là một món đặc sản của dân gò đồi. Nhưng quan trọng hơn là giò dây luồng, nứa đã được dùng làm nguyên liệu chính cho nhà máy giấy Lam Sơn, nhà máy giấy Mục Sơn. Cây luồng là cây họ tre "rất Thanh Hoá" đã trở thành cây trồng có giá trị kinh tế cả trước kia và hiện nay.

Cây chè có vị trí xác định ở hai huyện Như Xuân, Như Thanh. Ở đây đã hình thành vùng trồng chè Bãi Chành. Ngoài chè, các cây công nghiệp khác còn có thuốc lá, cũng là cây trồng rất phù hợp với điều kiện của hệ sinh thái bán sơn địa vùng gò đồi. Cây lạc được trồng ở khắp nơi, ở các ruộng cạn, ở các quả đồi bát úp, các bãi sông, đặc biệt là các bãi ven sông Chu cùng các con sông nhỏ khác. Nghề trồng dâu nuôi tằm cũng được người dân ở đây biết đến từ rất lâu đời, nhất là khu vực cư dân có nhiều đất bãi.

Cây bông trước đây cũng được trồng nhiều ở các vùng Yên Định, Vĩnh Lộc. Cây bông một thời là nguyên liệu làm ra đồ mặc cho hoạt động kinh tế tự sản tự tiêu. Cây bông và nghề trồng bông đã đi vào thơ ca:

*Trên trời mây trắng như bông*

*Ở dưới cánh đồng bông trắng như mây*

*Mấy cô má đỏ hây hây*

*Đội bông như thể đội mây về làng.*

Các vùng trung du của Thanh Hoá cũng là khu vực rất phong phú về cây ăn quả. Chuối được trồng ở khắp nơi. Mít, dứa, cam, bưởi... mùa nào thức ấy.

Trong số các cây đặc sản của Thanh Hoá phải kể đến cây quế. Quế Thanh với tự đề "Thanh Hoá ngọc quế" nổi tiếng từ thời phong kiến, được dùng làm đồ tiến cống hay quà cáp cho các sứ thần đi sứ thì chủ yếu là quế của vùng Thường Xuân. Nhờ có hoa quế mà mật ong vùng Thường Xuân cũng được coi là mật ong tốt nhất. Quế Thanh đứng đầu về chất lượng so với các vùng quế khác của Việt Nam và là một cây dược liệu có giá trị xuất khẩu cao.

2. Theo quan điểm biện chứng, con người trước hết cần phải ăn uống, ở và mặc rồi mới có thể hoạt động chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo. Nhưng việc ăn uống, ở và mặc của các dân tộc khác nhau thì không giống nhau. Mỗi dân tộc có cốt cách riêng của mình. Cốt cách đó chính là cái làm nên các đặc điểm của đặc trưng văn hoá đảm bảo đời sống.

Chỉ mới dăm ba chục năm trước đây người Mường, người Thái ở miền núi Thanh Hoá còn lấy cây lúa nếp làm cây lương thực chính. Ăn nếp, không biết tự bao giờ đã trở thành tập quán của hai tộc người này. Thói quen ăn nếp là bắt nguồn từ việc sử dụng các loài củ làm thức ăn tinh bột chính của thời kỳ trước khi con người biết trồng lúa. Do ăn củ nên khi thuần hoá lúa người ta chọn cây lúa nếp vốn có hương và vị gần với các loài củ. Tính độc đáo của truyền thống ăn nếp chắc chắn là có sự đóng góp của tổ tiên của các tộc Thái, Mường. Mấy chục năm gần đây do sức ép của quá trình tăng dân số những người dân quen ăn nếp đã chuyển dần sang ăn tẻ và hiện nay cơm tẻ đã là khẩu phần lương thực chính của bữa ăn hàng ngày. Thói quen ăn nếp của người Thái, người Mường đã trở thành một tiêu chí dân gian có tính tộc người. người Kinh ở

Thanh Hoá vẫn gọi người Thái, người Mường là "dân cơm nếp". "Trâu gõ mõ, chó trèo thang, ở nhà sàn, ăn cơm nếp" (cho người Thái). "Cơm dồ, nhà gác, nước vác, lợn thui" (cho người Mường).

Nhà sàn là một hiện tượng văn hoá mang đặc tính khu vực, vừa thể hiện đặc trưng tộc người nhưng lại có tính đặc thù địa phương khá rõ. Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm nhà sàn đảm bảo sự thông thoáng, khô ráo, đồng thời tránh được sự đe dọa của thú dữ, côn trùng khi mà xung quanh ngôi nhà là rừng cây rậm rạp. Nhà sàn là loại hình nhà phổ biến ở hầu hết các địa phương miền núi nước ta. Nhà sàn của người Mường, người Thái Thanh Hoá giống nhau hơn so với nhà sàn của người Thái Đen Tây Bắc. Mái nhà của người Thái Đen Tây Bắc là kiểu mái mai rùa (ô van), còn mái nhà của người Thái ở Thanh Hoá, Nghệ An là kiểu nhà bốn mái. Nhà sàn của người Mường cũng thuộc loại hình này.

Nhưng sự gần gũi Thái, Mường hay là sự hỗn dung các yếu tố văn hoá của hai tộc người này thể hiện rất rõ ở bộ nữ phục ở các huyện tây bắc của Thanh Hoá. ở nhiều bản làng, nhất là ở các huyện vùng cao Quan Hoá, Bá Thước, Lang Chánh du khách trong nhiều trường hợp thật khó mà phân biệt các đặc trưng mang tính tộc người thể hiện trên bộ nữ phục. Trong trường hợp này bộ nữ phục hỗn dung Mường - Thái đã trở thành sở hữu chung của các cư dân này ở Hoà Bình và vùng giáp Hoà Bình - Thanh Hoá. Nhưng do mối quan hệ qua lại, giao lưu thường xuyên, đặc biệt là sự có mặt lâu đời của người Kinh ở khu vực này đã khiến cho sự "Kinh hoá" thể hiện qua các dạng thức của văn hoá vật chất mà quần áo là một ví dụ điển hình đang làm cho người Mường, người Thái ngày càng có xu hướng ăn mặc giống người Kinh.

3. Các đặc trưng của văn hoá chuẩn mực xã hội được thể hiện trong cách ứng xử, trong quan hệ giữa các thành viên trong bản, trong mường là rất quy chuẩn. Trong các gia đình của người Thái, người Mường quan hệ giữa các thành viên bao giờ cũng là mối quan hệ kính trên, nhường dưới. Nếu như người Kinh có phần nhấn mạnh yếu tố giáo dục mang tính răn đe thì người Mường, người Thái lại có cách dạy trẻ gần như ngược lại: "Đánh con dùng đôi mắt. Đánh chó mới dùng roi" (tục ngữ Thái). Ông bà, cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con cháu cho đến khi trưởng thành và con cháu có bổn phận nuôi dưỡng, chăm sóc ông bà, bố mẹ lúc ốm đau, khi tuổi già.

Xem xét các mối quan hệ trong một bản, thậm chí trong một mường của người Thái, người Mường có thể thấy sự ràng buộc ở đây là về rất nhiều mặt. Bản được coi như một loại hình công xã nông thôn nhưng còn mang nặng dấu ấn của quan hệ huyết tộc. Do đó, trong xã hội truyền thống đạo lý "lá lành đùm lá rách" được coi như một tiêu chuẩn đạo đức xã hội. ở trong bản, trong mường ai hết thóc ăn, ai không có thóc giống đều có thể vay, thậm chí là xin anh em, bà con, kể cả thông gia - mà trường hợp người Thái là điển hình nhất. Chính là mối quan hệ láng giềng, huyết tộc họ hàng, thông gia quện chặt vào nhau, chi phối lẫn nhau đã tạo nên sự cố kết bền vững giữa các thành viên, giữa các bản, các mường. Tuy nhiên, sự cố kết kiểu này, trong điều kiện của sự phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lại trở thành lực cản níu kéo quá trình chuyển hoá từ nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc sang nền kinh tế thị trường.

Nhưng có những giá trị truyền thống được thừa nhận và có sức trường tồn như là những hằng số, chẳng hạn, như lòng nhân ái, sự vị tha, đức kính già, yêu trẻ. Những giá trị đó đối với người dân, dù trong xã hội nào, ở tộc người nào cũng được xem như là những chuẩn mực đạo đức trong quan hệ người với người. Khi đến nhà người Thái, người Mường thì bao giờ những lời thăm hỏi sức khoẻ cũng là những lời được nói đầu tiên từ phía chủ và từ phí khách. Đây không phải là những câu chào hỏi mang tính chất xã giao mà nó có nội hàm của sự quan tâm thật sự

trong nguyên tắc đối nhân xử thế. Lịch sử, lễ phép, mềm mỏng là những đức tính đáng quý trong quan hệ ứng xử của những người dân thiểu số nói chung.

4. Phạm trù của văn hoá nhận thức chứa đựng trong nó rất nhiều nội dung: Quan niệm về linh hồn, về tổ tiên; sự giải thích nguồn gốc của vũ trụ muôn loài, những hội hè dân gian, v.v...

Sự sinh ra con người, đất, nước và muôn loài được giải thích theo kiểu mô "Đẻ đất, đẻ nước", dù là mô Mường hay mô Thái cũng đều chứa đựng cốt truyện tương tự. Những áng mô như vậy có một thời bị nhầm lẫn là sản phẩm mê tín dị đoan thì nay được các nhà nghiên cứu coi như là những áng sử thi, những bản anh hùng ca. Đó là sự đóng góp về mặt tinh thần xứng đáng của các tộc Mường, Thái vào kho tàng văn hoá chung của địa phương và đất nước. Ý nghĩa giáo dục và tinh thần nhân văn, nếp sống cổ truyền và phong cách ứng xử thức ra đều được thể hiện trong các bài mô, một mặt là để nhắc nhở và tiễn đưa người chết; mặt khác, là để khuyên bảo, răn dạy người sống. Đó là yếu tố nhân bản mang tính giáo dục của mô Mường, mô Thái.

Sống trong môi trường khí hậu nhiệt đới, thiên nhiên, một mặt hào phóng ban cho con người những nguồn lợi lớn, nhưng mặt khác, thiên nhiên cũng là lực lượng thường xuyên đe dọa cuộc sống của con người. Nhưng chính trong điều kiện thiên nhiên hai mặt như vậy con người đã biết lợi dụng mặt tích cực để chế ngự mặt tiêu cực của nó. Cây rừng, thú rừng được khai thác phục vụ cho cuộc sống hàng ngày và đặc biệt có giá trị là làm phong phú nền y học cổ truyền của các cư dân. Ngày nay, trên phạm vi thế giới, khi mà phương thức chữa bệnh theo đông y ngày càng tỏ rõ thế mạnh và tính khoa học cao của nó thì vốn tri thức quý giá này rất cần được nghiên cứu, khai thác dưới góc độ văn hoá, dưới góc độ y học.

Nhìn rộng ra, trong bức tranh toàn cảnh của vùng gò đồi xứ Thanh người ta còn thấy hứa hẹn một tiềm năng du lịch văn hoá - lịch sử hết sức có ý nghĩa và mang tính khả thi. Khu Lam Kinh nằm ở vị trí đầu huyện Thọ Xuân, cuối huyện Ngọc Lặc, tiện đường từ Thường xuân xuống, các huyện Triệu Sơn, Nông Cống lên, nếu được xây dựng lại sẽ là địa điểm thu hút khách thập phương, đặc biệt là dịp lễ hội "21 Lê Lai, 22 Lê Lợi" hàng năm (21 - 22 tháng Tám Âm - Dương lịch). Rất thuận tiện cho du lịch Lam Kinh là cây cầu Mộc Sơn bắc qua sông Chu đã hoàn thành từ mấy năm nay, không còn trở ngại của sự cách sông cách đò nữa. Có thể tạo thành khu vực liên hoàn cùng với Lam Kinh là đập Bái Thượng. Đập này hoàn thành công việc xây dựng vào đầu thế kỷ XX dưới thời Pháp thuộc, hiện nay đang được bồi đắp, nâng cấp, là một công trình thủy lợi lớn không chỉ có ý nghĩa về mặt tưới tiêu mà nó còn thể hiện sức mạnh chế ngự tự nhiên của con người.

Ở phía Vinh Lộc, Cẩm Thủy, Thiệu Hoá, Yên Định là khu vực thành nhà Hồ. Nếu nói về kiến trúc thành quách thời phong kiến thì không có toà thành nào đồ sộ, còn nhiều điều bí ẩn như thành nhà Hồ - thành Tây Đô ở Vinh Lộc. Thực ra, cần phải có một tập thể các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi về các chuyên ngành khảo cổ học, dân tộc học, sử học, ngôn ngữ học, kiến trúc, nghệ thuật quân sự, thạch học tập trung nghiên cứu mới có thể làm sáng tỏ nhiều vấn đề có liên quan đến toà thành kỳ vĩ này. Đến một lúc nào đó phải làm cho thành nhà Hồ trở về với vị trí xứng đáng của nó, thực sự là một địa điểm xứng đáng về tham quan và du lịch. Đây không chỉ là tình cảm mà còn là trách nhiệm của những người đang sống đối với di sản văn hoá - lịch sử, quân sự của cha ông để lại.

Tiềm năng du lịch của vùng gò đồi Thanh Hoá không phải là nhỏ nhưng để biến tiềm năng đó thành hiện thực thì một mình tỉnh Thanh Hoá không kham nổi. Đây phải được coi là công việc của Nhà nước, của tầm đầu tư vĩ mô và rất cần có sự giúp đỡ quốc tế mới hy vọng xây dựng được ngành "công nghiệp không khói" cho khu vực này.

Trở lại với văn hoá bản mường, như trên đã nói, thực chất là các giá trị văn hoá truyền thống. Nhưng xã hội mà chúng ta đang sống lại là xã hội hiện đại. Cơ cấu tổ chức bản- mường theo "lễ mường" đã thay thế bằng sự quản lý theo phép nước. Sự đổi thay diễn ra trên mọi phương diện mà công cuộc đổi mới càng làm cho tốc độ của sự thay đổi nhanh hơn. Nền nông nghiệp tự cấp tự túc khép kín giờ đây đang chuyển dần thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá với vị trí của kinh tế hộ gia đình đang được khẳng định. Những ngôi nhà sàn, nhà xây mái ngói, mái bằng xuất hiện ngày càng nhiều. Cây lúa tẻ đã thay thế vị trí của cây lúa nếp... Rõ ràng là chúng ta không thể giữ nguyên mẫu các giá trị văn hoá truyền thống trong khi thực tế cuộc sống đòi hỏi phải có sự thay đổi và sự thay đổi như vậy mới là sự phát triển hợp quy luật. Tuy nhiên, dù có thay đổi lớn lao như thế nào thì những hàng số văn hoá vẫn tồn tại rất lâu cùng với thời gian. Đó là điều rất tự nhiên nhưng cũng rất biện chứng của truyền thống và hiện đại, của đời sống bản mường xa kia với đời sống bản mường đổi mới hiện nay.

#### 4. Đôi lời nhận xét hay là những vấn đề đặt ra

1. Vùng gò đồi xứ Thanh như đã nói, thực ra còn bao gồm cả một số xã của huyện Triệu Sơn, Nông Cống, thông xuống Tĩnh Gia, được hiểu là vùng không thuộc đồng bằng, cũng không hẳn là miền núi của khu vực Nam Thanh, Bắc Nghệ. Chính vì địa lý như vậy lại khiến cho vùng này hội đủ các yếu tố của đồng bằng và miền núi: có ruộng, có bãi, có đồi rừng. Về các điều kiện cần và đủ thì đây là khu vực có thể phát triển các ngành sản xuất theo hướng công-nông nghiệp hoặc nông-lâm nghiệp kết hợp. Chỉ có phát triển theo hướng đó mới hy vọng dần dần xoá được nạn nghèo đói của các cư dân khu vực này.

2. Bức tranh phân bố dân cư vùng này là bức tranh đa sắc màu. Người Kinh tập trung ở các thị trấn, phố huyện, các nông trường, lâm trường, các địa điểm thuận lợi cho công việc làm ăn, buôn bán nói chung. Riêng về mặt xuất hiện các nông trường, lâm trường có nhiều mặt hạn chế cần phải bàn nhưng không thuộc phạm vi của đề tài này. Song sự xuất hiện của các đơn vị kinh tế kiểu nông, lâm trường đã tạo nên các điểm cư dân mới và cũng chính là ở những nơi đó đã nhanh chóng hình thành nên các chợ. Có chợ, công việc mua bán, trao đổi trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn. Đồng bào thiểu số bắt đầu tham gia vào quá trình lưu thông là từ các dạng chợ như vậy, để dần dần họ làm quen với hoạt động kinh tế thị trường mà trước đây vốn là một hiện tượng xa lạ. Chợ rõ ràng là một yếu tố mới và sự hình thành nên một loạt chợ là đóng góp có ý nghĩa trong sự hiện diện của người Kinh ở địa bàn này.

Các tộc người Mường, người Thổ, người Thái, người Dao trong quá trình cùng chung sống lâu đời ở Thanh Hoá đã xây dựng nên truyền thống đoàn kết gắn bó "Lửa cháy cùng nhau dập. Giặc đến cùng nhau đánh" (*Phày máy pòm cắn đắp. Xắc xấp pòm cắn khả*- Tục ngữ Thái). Ngay từ khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi thế kỷ thứ XV đã nổi lên vai trò căn cứ địa của vùng gò đồi, những anh hùng chống ngoại xâm oanh liệt như Lê Lai, và lực lượng tham gia nghĩa quân chắc hẳn còn nhiều tráng niên Mường, Thái. Đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta ở đây đã xuất hiện những vị thủ lĩnh chống Pháp nổi tiếng như Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ nhiều con em của các dân tộc vùng này đã lập công và trở thành anh hùng trong các lực lượng vũ trang. Có thể nói, đoàn kết chống ngoại xâm đã trở thành truyền thống được khẳng định.

Nhưng do đặc điểm của cơ trú xen kẽ tộc người, bên cạnh mặt tích cực của sự đoàn kết - đùm bọc - che chở còn có mặt hạn chế của sự hiềm khích - xích mích - xung đột. Sự hiềm khích, sự xung đột dù chỉ mang tính cục bộ địa phương nhưng trong nhiều trường hợp nó lại là lực cản không nhỏ cho sự thống nhất các cư dân vốn khác nhau về ngôn ngữ và văn hoá, nhất là trong

tình hình hiện nay, khi mà sự nhạy cảm về quan hệ dân tộc luôn luôn được các thế lực thù địch triệt để khai thác.

3. Thế mạnh của sự phát triển kinh tế các vùng gò đồi là phụ thuộc vào tiềm năng vốn có của nó. Nhưng mặt khác chúng ta cũng không thể không tính đến các đặc điểm của điều kiện sinh thái, các tập quán và thói quen làm ăn đã hình thành từ bao đời nay.

Vùng gò đồi là vùng không có điều kiện cho việc "dẫn thuỷ nhập điền", nghĩa là không chủ động được nguồn nước tưới tiêu, do đó, nếu cứ lấy cây lúa làm trục xoay thì đó không phải là quốc sách. Ưu thế của các cây trồng ở đây là thuộc về cây công nghiệp, các cây đặc sản, cây hoa màu và loại hình chăn nuôi là chăn nuôi đại gia súc. Như vậy, việc áp dụng mô hình VAC cho kinh tế hộ gia đình cũng chưa phải là hợp lý. Đã không có nguồn nước tự nhiên thì cũng không có được A đúng với ý nghĩa của nó. Chúng tôi đã có lần đề nghị một công thức cho kinh tế hộ gia đình ở các vùng miền núi nước ta là VrC, trong đó, Vr = vườn rừng, C = chăn nuôi (đại gia súc)<sup>(1)</sup>. Nhưng với các vùng đồi gò thì sự phát triển kinh tế hộ gia đình có lẽ phải là sự kết hợp của hai mô hình trên. Riêng yếu tố V hay Vr phải phát triển theo hướng của mô hình kinh tế trang trại.

4. Đầu tư phát triển vùng gò đồi không tách rời với sự nâng cao dân trí. ở đây hiện tượng "mù nghĩa" du không trầm trọng nhưng hiện tượng mù chữ thì vẫn còn rất nặng. Đời sống văn hoá tinh thần còn quá nghèo nàn. Đã có nhiều ý kiến bàn về vấn đề này, riêng vấn đề đầu tư cho văn hoá thì các ý kiến khá thống nhất và tập trung, đó là yêu cầu phải lấy bản làng làm đơn vị cơ sở đầu tư. Xây dựng bản làng văn hoá mới mà nhiều nơi đã phát động thành phong trào đang là những bước đi đúng hướng.

5. Trong các lực cản của sự phát triển nền nông nghiệp mang tính chất sản xuất hàng hoá thì những lề thói của nền kinh tế nông nghiệp tiểu nông tự cấp tự túc là bức rào chắn lớn nhất. Trong bối cảnh đó sự chi phối của các quan hệ họ hàng mang tính huyết thống cũng tạo nên sức ỳ lớn. Các thói quen của hoạt động khai thác tự nhiên, nhất là khai thác rừng tạo cho người nông dân ít có tâm lý lo xa. Căn tính nông dân về ý thức "tích cốc phòng cơ" cũng là một thứ chướng ngại của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, của yêu cầu phải thay đổi cung cách làm ăn trong xu thế của đời sống công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Sự phát triển gắn liền với các cơ sở khoa học tin cậy và sự hiểu biết về các vấn đề kinh tế - xã hội là sự phát triển vững chắc. Sự phát triển như vậy ngày càng đòi hỏi sự tham gia tích cực của các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Những vấn đề chúng tôi trình bày ở trên là một khía cạnh xuất phát từ đòi hỏi như thế, với mong muốn góp thêm một cách nhìn cho các nhà hoạch định chính sách xác định đúng hướng đi cho các vùng gò đồi ở xứ Thanh.

<sup>1</sup> . Lê Sỹ Giáo, *Đổi mới và những vấn đề cấp bách có liên quan đến khả năng dự báo của dân tộc học*, Nghiên cứu lịch sử, 1991, số 5, tr. 24-27.